**TÀI LIỆU SINH HOẠT CHI ĐOÀN THÁNG 6/2022**

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN**

 **KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT**

**I. KHÁI LƯỢC TIỂU SỬ VÀ QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT**

Đồng chí Võ Văn Kiệt tên thật là Phan Văn Hòa, bí danh Sáu Dân, sinh ngày 23/11/1922 tại xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, trong một gia đình nông dân nghèo. Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất giàu truyền thống văn hiến, yêu nước, đấu tranh chống áp bức cường quyền, nên khi tuổi đời còn rất trẻ, Đồng chí đã sớm hình thành tư tưởng yêu nước, giác ngộ cách mạng.

Năm 1938, khi mới 16 tuổi, Võ Văn Kiệt đã tham gia hoạt động cách mạng trong phong trào Thanh niên phản đế. Tháng 11/1939, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương; tháng 11/1940, được cử làm Bí thư Chi bộ xã Trung Hiệp, Huyện ủy viên huyện Vũng Liêm và tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Sau Khởi nghĩa Nam Kỳ, Đồng chí được điều động về hoạt động tại vùng U Minh thuộc tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang).

Từ năm 1941 - 1945, trên cương vị Tỉnh ủy viên tỉnh Rạch Giá, Đồng chí đã tham gia xây dựng lực lượng cách mạng, bảo vệ căn cứ địa U Minh trở thành đầu não chỉ huy cách mạng của các tỉnh miền Tây Nam Bộ, góp phần vào thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Sau ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, đồng chí Võ Văn Kiệt được cử làm Ủy viên Chính trị dân quân cách mạng Liên tỉnh Tây Nam Bộ, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Rạch Giá, rồi Phó Bí thư Tỉnh ủy Rạch Giá, tham gia lãnh đạo Nhân dân các tỉnh miền Tây Nam Bộ: Rạch Giá, Bạc Liêu, Cà Mau... tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

Giữa năm 1949, Đồng chí được điều về làm Phó Bí thư, rồi Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu, trực tiếp chỉ đạo cuộc chiến đấu của đồng bào, góp phần tích cực vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Nhân dân ta.

Sau Hiệp định Giơnevơ (1954), Đồng chí được phân công bí mật ở lại miền Nam, hoạt động tại các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, vùng cực Nam của Tổ quốc. Năm 1955, Đồng chí được bầu làm Ủy viên dự khuyết Xứ ủy Nam Bộ, Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy miền Tây, sát cánh bên cạnh đồng chí Lê Duẩn, góp phần xây dựng Đề cương cách mạng miền Nam. Năm 1959, Đồng chí được điều về Khu Sài Gòn - Gia Định (T.4), làm Bí thư Khu ủy.

Năm 1960, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Đồng chí được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng; là Ủy viên Trung ương Cục miền Nam; tiếp tục làm Bí thư Khu ủy T.4 (Sài Gòn - Gia Định) cho đến cuối năm 1969, rồi Bí thư Khu ủy Khu 9 (Tây Nam Bộ), Bí thư Quân khu ủy Quân khu 9 đến năm 1973. Năm 1972, Đồng chí được bầu làm Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Từ năm 1973 - 1975, đồng chí Võ Văn Kiệt được điều về công tác ở Trung ương Cục, trên cương vị là Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục miền Nam.

Trong chiến dịch giải phóng Sài Gòn, Đồng chí được Trung ương Cục phân công làm Ủy viên Ban cán sự Đảng ủy đặc biệt của Chiến dịch Hồ Chí Minh và Bí thư Ủy ban Quân quản Thành phố.

Sau ngày Tổ quốc thống nhất, Đồng chí được phân công làm Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1976, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, đồng chí Võ Văn Kiệt được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung Trung ương và được bầu làm Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị và được phân công làm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 3/1982, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Đồng chí tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị; tháng 4/1982, được Quốc hội phê chuẩn làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Tháng 12/1986, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, đồng chí Võ Văn Kiệt được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị. Kỳ họp thứ nhất (Quốc hội khóa VIII), Đồng chí được bầu lại làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991), đồng chí Võ Văn Kiệt tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VIII, Đồng chí được Quốc hội phê chuẩn giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Đến kỳ họp thứ chín Quốc hội khóa VIII (tháng 8/1991), Đồng chí được Quốc hội bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa IX (tháng 10/1992) đồng chí Võ Văn Kiệt được bầu làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh cho đến năm 1997.

Tháng 6/1996, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, đồng chí Võ Văn Kiệt tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, được Trung ương bầu vào Bộ Chính trị và được cử làm Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị.

Từ tháng 12/1997 - 4/2001, do tuổi cao, Đồng chí xin rút khỏi Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và được Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đồng chí là Đại biểu Quốc hội các khóa VI, VIII và IX.

Đồng chí từ trần vào lúc 7 giờ 40 phút ngày 11/6/2008, hưởng thọ 86 tuổi.

Do công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, uy tín lớn trong và ngoài nước, đồng chí Võ Văn Kiệt đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác. Cuộc đời Đồng chí là tấm gương sáng để đồng bào, cán bộ, chiến sĩ cả nước yêu quý, kính trọng và mãi mãi noi theo.

  **II. NHỮNG CỐNG HIẾN TO LỚN, QUAN TRỌNG CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG VÀ DÂN TỘC**

**1. Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta**

Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Võ Văn Kiệt gắn liền với lịch sử đấu tranh cách mạng hào hùng của Đảng và dân tộc ta. Thời thơ ấu và niên thiếu vất vả, bươn trải đã hun đúc ý chí giải phóng dân tộc, bản lĩnh của Võ Văn Kiệt. Khi 16 tuổi, Đồng chí đã giác ngộ cách mạng, tham gia phong trào Thanh niên phản đế và trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương khi mới 17 tuổi.

Khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ, ở tuổi 18, Đồng chí được giao làm Bí thư Chi bộ xã Trung Hiệp, Huyện ủy viên huyện Vũng Liêm, lãnh đạo Nhân dân nổi dậy cướp chính quyền ở huyện lỵ Vũng Liêm. Tuy khởi nghĩa thất bại nhưng trong quá trình hoạt động cách mạng, Đồng chí đã bắt đầu bộc lộ tư chất của một tài năng lớn.

Trên cương vị Tỉnh ủy viên lâm thời tỉnh Rạch Giá, Đồng chí thường xuyên bám địa bàn, bám đất, bám dân, nhiều lần đối mặt với cái chết trong gang tấc, xây dựng cơ sở cách mạng, huấn luyện lực lượng quân sự, mở rộng và phát triển căn cứ địa U Minh trở thành đầu não chỉ huy kháng chiến của các tỉnh miền Tây Nam Bộ, góp phần cùng các địa phương trong cả nước làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Khi thực dân Pháp tái chiếm Nam Bộ, trên cương vị Ủy viên Chính trị dân quân cách mạng Liên tỉnh miền Tây, đồng chí Võ Văn Kiệt được phân công trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở các tỉnh Rạch Giá, Bạc Liêu. Dấu chân của Đồng chí đã in khắp các chiến trường miền Tây Nam Bộ. Bằng trí tuệ, hoạt động chỉ đạo của mình, Đồng chí đã góp phần tích cực vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Nhân dân ta.

Sau Hiệp định Giơnevơ (7/1954), đồng chí Võ Văn Kiệt được Đảng phân công bí mật ở lại miền Nam, hoạt động bên cạnh đồng chí Lê Duẩn - Bí thư Xứ ủy, tiếp tục chỉ đạo phong trào cách mạng miền Nam. Trong tình thế khó khăn của cách mạng miền Nam khi đó, đồng chí Võ Văn Kiệt đã thể hiện bản lĩnh vững vàng, bám sát địa bàn, chỉ đạo cơ sở đấu tranh với kẻ thù. Với sự nhạy cảm của một nhà hoạt động cách mạng lão luyện, Đồng chí có những nhận định hết sức đúng đắn về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, kịp thời đề ra những đối sách, chỉ đạo phong trào cách mạng.

  Xuất phát từ thực tiễn nóng bỏng của cách mạng miền Nam, nắm bắt yêu cầu, nguyện vọng đấu tranh của quần chúng, đồng chí Võ Văn Kiệt đã có những ý kiến đề xuất với đồng chí Lê Duẩn, góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn cho bản Đề cương cách mạng miền Nam, để từ đó Đảng ta nghiên cứu, hoàn thiện cho ra đời Nghị quyết 15 lịch sử, thổi bùng lên phong trào Đồng khởi, tạo bước ngoặt quan trọng của cách mạng miền Nam.

Từ cuối năm 1959 đến đầu năm 1970, dưới sự chỉ đạo của Khu ủy T.4, đứng đầu là Bí thư Võ Văn Kiệt, quân và dân Sài Gòn - Gia Định đã anh dũng chiến đấu lập nhiều chiến công vang dội; góp phần vào thắng lợi chung của Nhân dân cả nước, buộc đế quốc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán và ký Hiệp định Paris (1/1973), rút quân đội ra khỏi miền Nam, tạo ra cục diện mới cho cách mạng miền Nam.

Sau Hiệp định Paris, trên cương vị là Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục miền Nam, Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu 9, đồng chí Võ Văn Kiệt đã chỉ đạo Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu đưa ra những quyết định mang tính lịch sử “Đánh địch lấn chiếm, giữ đất giữ dân”; không chấp nhận ngừng bắn khi chính quyền Sài Gòn đã vi phạm Hiệp định Paris; kiên quyết, chủ động và liên tục tiến công địch trên các mặt trận, cả nông thôn và thành thị. Với quyết định đúng đắn và rất sáng tạo đó, chỉ trong thời gian ngắn, quân và dân Khu 9 đã làm thất bại âm mưu lấn chiếm của địch, mở rộng thêm nhiều vùng giải phóng, tạo nên thế và lực mới rất quan trọng, là một trong những cơ sở để Đảng ta đưa ra quyết định phát động cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Mùa Xuân năm 1975, trong chiến dịch giải phóng Sài Gòn, trên cương vị Ủy viên Đảng ủy đặc biệt của Chiến dịch Hồ Chí Minh, Đồng chí đã cùng Bộ Tư lệnh chiến dịch, chỉ huy năm cánh quân thần tốc tiến vào thành phố, phối hợp với sự nổi dậy của Nhân dân, buộc chính quyền Sài Gòn phải đầu hàng vô điều kiện, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau ngày đất nước thống nhất, trên cương vị Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh rồi Bí thư Thành ủy, Đồng chí đã cùng lãnh đạo Thành phố đưa ra những quyết sách hết sức năng động, phù hợp với tình hình thực tiễn, từng bước tháo gỡ khó khăn, đưa Thành phố dần đi vào ổn định để rồi sau đó trở thành đầu tàu kinh tế của cả nước. Đã có lúc người ta đặt cho đồng chí Võ Văn Kiệt nhiều cái tên như “Chủ tịch gạo”, “Bí thư phá rào” để thấy những quyết định của Đồng chí không rập khuôn, giáo điều, thể hiện sự tìm tòi, sáng tạo, năng động, bám sát yêu cầu của thực tiễn cách mạng, có tầm ảnh hưởng lớn đối với đất nước, với Nhân dân.

Sau này, trên các cương vị Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đồng chí luôn hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ mà Đảng và Nhân dân giao phó. Xuất phát từ tấm lòng vì nước, vì dân, trước khi đưa ra một quyết định quan trọng nào, đặc biệt là những quyết định có tác động, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế đất nước và đời sống Nhân dân, Đồng chí đều chú trọng tập hợp và lắng nghe các chuyên gia, nhà khoa học và tự mình bỏ nhiều công sức nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm tích lũy từ cuộc sống của mọi tầng lớp Nhân dân. Chính vì vậy, khi vận dụng vào chỉ đạo thực tiễn, những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã nhận được sự đồng thuận “ý Đảng, lòng dân”; phát huy hiệu quả, góp phần đưa sự nghiệp đổi mới của đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Với tính cách nổi bật là sâu sát thực tế, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, sẵn sàng dấn thân cho cái mới, đồng chí Võ Văn Kiệt đã động viên được nhiều lực lượng xã hội tham gia vào công cuộc đổi mới toàn diện và sâu sắc của Đảng và Nhà nước. Đồng chí đã có nhiều đóng góp về lý luận và thực tiễn để xóa bỏ cơ chế kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới đất nước. Đồng chí Võ Văn Kiệt có những quyết định táo bạo và là người chỉ đạo thực hiện nhiều dự án quan trọng như: Thủy điện Trị An; công trình thủy lợi đào kênh T5 đưa nước lũ thoát ra biển Tây; khai phá Đồng Tháp Mười và tứ giác Long Xuyên, ngọt hóa bán đảo Cà Mau; công trình đường dây tải điện 500KV Bắc - Nam; đường Bắc Thăng Long - Nội Bài; đường Hồ Chí Minh; Nhà máy lọc dầu Dung Quất và phát triển ngành dầu khí, viễn thông, hàng không, xây dựng các khu công nghệ cao Hòa Lạc; công viên phần mềm Quang Trung; Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam... Tất cả nói lên tâm huyết và những nỗ lực phi thường của đồng chí Võ Văn Kiệt trong tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, để lại “dấu ấn Võ Văn Kiệt” góp phần xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, đồng thời thể hiện tầm nhìn, trí tuệ của một nhà lãnh đạo xuất sắc.

          Đồng chí Võ Văn Kiệt luôn cho rằng, lãnh đạo đất nước phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân là tiền đề để đất nước giữ vững ổn định về chính trị - xã hội và mở rộng đối ngoại. Trên cương vị Thủ tướng Chính phủ, Đồng chí đã cùng tập thể Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương thực hiện đường lối ngoại giao rộng mở, thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và Mỹ, đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế, thiết lập sự liên kết kinh tế khu vực và thế giới (với ASEAN, Nhật Bản và EU...), khơi dậy và phát huy tất cả các nguồn lực ấy để giành được nhiều nhất lợi ích cho dân tộc mình trong tư thế độc lập, tự chủ, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, phá vỡ thế bao vây, cấm vận, đưa sự nghiệp cách mạng luôn tiến lên phía trước.

Sau khi rời cương vị Thủ tướng Chính phủ (8/1997), đồng chí Võ Văn Kiệt vẫn dành nhiều tâm huyết, trí tuệ cống hiến cho Đảng, cho đất nước. Với vai trò Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đồng chí đã dồn hết nghị lực và tâm trí cho công cuộc xây dựng Đảng, với nhiều kiến nghị cụ thể, tâm huyết trong các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, cũng như trong nhiều sinh hoạt quan trọng của Đảng, góp phần thiết thực vào công tác đổi mới và chỉnh đốn Đảng, để Đảng ta xứng đáng là đội ngũ tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của cả dân tộc, đáp ứng niềm tin của Nhân dân.

**2. Người cộng sản tiêu biểu cho tinh thần không ngừng rèn luyện, học hỏi, năng động và sáng tạo**

Ngay từ nhỏ, Võ Văn Kiệt đã bộc lộ tư chất thông minh, hiếu học, nhưng do hoàn cảnh gia đình nghèo túng, Đồng chí không có điều kiện theo học tại các trường lớp. Tuy nhiên, với trí tuệ thông minh, cùng với nghị lực phi thường, Đồng chí không ngừng trau dồi kiến thức và lý luận cách mạng. Có thể nói, đồng chí Võ Văn Kiệt là tấm gương sáng ngời về tinh thần tự học cầu tiến, đặc biệt là học từ thực tiễn cách mạng để trưởng thành cả về nhận thức lý luận và bản lĩnh cách mạng.

 Ngay cả những năm tháng kháng chiến ác liệt, mỗi khi rảnh rỗi, Đồng chí đều tranh thủ đọc sách, báo, tài liệu, ghi chép, học hỏi kinh nghiệm từ các đồng chí lãnh đạo, từ những trí thức yêu nước và cả cấp dưới của mình. Sau khi đất nước thống nhất, dù giữ chức vụ cao, rất bận rộn với công việc, nhưng Đồng chí vẫn thường xuyên nghiên cứu, học tập để nâng tầm hiểu biết. Theo Đồng chí, cần tôn trọng những người có bằng cấp, tôn trọng và lắng nghe trí thức, nhưng Đồng chí cũng cho rằng việc học không vì bằng cấp mà học là để đem những kiến thức mới vận dụng vào thực tiễn cuộc sống, nhất là để phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Cách mạng là sáng tạo, sự nghiệp cách mạng đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo phải có khả năng tổng kết thực tiễn, phát hiện cái mới và nhân rộng cái mới. Tinh thần ham học, ham đọc của Đồng chí gần gũi một cách tự nhiên với phẩm chất năng động và sáng tạo, nhạy bén với cái mới, cái tiến bộ.

Năm 1993, Thủ tướng Võ Văn Kiệt thành lập Tổ chuyên gia tư vấn về cải cách kinh tế và cải cách hành chính để tham khảo ý kiến khi hoạch định những chính sách lớn. Bằng năng lực trí tuệ sắc sảo và trực giác mẫn tiệp của mình, Đồng chí đã nắm bắt cái thần, cốt lõi của những vấn đề phức tạp, trên cơ sở đó, đã đưa ra những quyết định táo bạo và chính xác.

Là nhà lãnh đạo, nhà hoạt động thực tiễn trong Nhân dân, chú ý nghiên cứu thực tiễn đất nước, sâu sát cơ sở; có năng lực tổng kết thực tiễn, phát hiện cái mới, dám quyết định và dám chịu trách nhiệm, đồng chí Võ Văn Kiệt đã đóng góp cho Đảng nhiều chủ trương, chính sách sáng tạo, góp phần đưa đất nước vượt qua thời điểm gay cấn, khó khăn, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện đời sống Nhân dân, tăng cường xây dựng hệ thống chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh, không ngừng mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

**3. Tấm gương cộng sản kiên trung, suốt đời vì nước, vì dân, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh**

Đồng chí Võ Văn Kiệt là một người cộng sản luôn đặt lợi ích của Nhân dân, của Tổ quốc lên trên hết, trước hết. Suy nghĩ và việc làm của Đồng chí luôn thể hiện sự trăn trở của một công dân, của một nhà lãnh đạo, người đứng đầu Chính phủ đau đáu vì tiền đồ phát triển của đất nước. Đồng chí không say sưa với những thắng lợi, mà luôn tìm tòi theo cách nghĩ khám phá, đột phá, sáng tạo. Mỗi khi nhắc tới cuộc đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ, khó khăn vì độc lập, tự do của Tổ quốc, Đồng chí luôn trăn trở Đảng phải làm gì cho dân để đáp ứng lại sự hy sinh to lớn và vô giá đó.

Đồng chí luôn day dứt về nguy cơ tụt hậu của đất nước, về sự tăng trưởng bền vững của nước nhà, làm sao phát huy được tiềm năng sẵn có trong Nhân dân để tận dụng cơ hội, bứt phá đưa đất nước phát triển nhanh hơn. Với tầm nhìn xa, tư tưởng nhân văn, đoàn kết, hòa hợp, chủ động khép lại quá khứ chiến tranh và hướng tới tương lai, đồng chí Võ Văn Kiệt đã góp phần tạo sự ổn định và phát triển mạnh mẽ của đất nước.

Tầm nhìn, cách suy nghĩ và hành động của Thủ tướng Võ Văn Kiệt là tầm nhìn vượt thời đại. Hơn nửa thời gian cuộc đời hoạt động cách mạng, kinh qua hai cuộc chiến tranh, nhưng đồng chí Võ Văn Kiệt đã sớm nhìn thấy xu thế vận động của thế giới trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Đồng chí thường nói đổi mới là sáng tạo, là biết khai thác, phát huy thế mạnh của đất nước, dân tộc, lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam, vượt qua những trở lực về tư duy cũ kỹ, lạc hậu và phong cách lãnh đạo quan liêu, đem lại chất lượng cao cho công cuộc đổi mới và chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ tấm lòng yêu nước, trọng dân, thương dân, lòng tự hào dân tộc sâu sắc, đồng chí Võ Văn Kiệt chủ động đến với Nhân dân để hiểu dân, học dân, hỏi dân, bàn bạc với dân và tìm ra cách làm có hiệu quả nhất. Đồng chí không nói nhiều, viết nhiều về tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Đồng chí tỏ rõ sự thấm nhuần về tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người, biểu hiện rõ nhất là không giáo điều, rập khuôn, máy móc; miệng nói tay làm, nói ít làm nhiều, lấy hiệu quả thực tiễn làm thước đo. Đồng chí Võ Văn Kiệt đã làm đúng tinh thần lời dạy của Bác Hồ, người cán bộ khi nhận nhiệm vụ do Nhân dân ủy thác thì phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận.

Đồng chí Võ Văn Kiệt luôn tuyệt đối trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trung thành và kiên định Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo Đồng chí, nội hàm của mọi khái niệm lý luận không đứng im, bất biến mà đều vận động và được bổ sung bằng thực tiễn phát triển của lịch sử. Qua đó có thể thấy tư duy chính trị của đồng chí Võ Văn Kiệt là toàn diện, sâu sắc, nhạy bén và có tầm chiến lược. Tâm nguyện của đồng chí Võ Văn Kiệt là: một dân tộc đã trải qua bao gian khổ, hy sinh, mất mát để  giành lại độc lập, thống nhất cho Tổ quốc, dân tộc ấy phải được sống hạnh phúc trong độc lập và tự do, được hưởng "công bằng, dân chủ, văn minh" như mọi dân tộc tiên tiến trên thế giới. Đó là tấm lòng yêu nước thương dân, chủ nghĩa nhân văn cao cả và sâu sắc của Đồng chí, một phẩm chất mà Đồng chí đã suốt đời rèn luyện, noi theo Chủ tịch Hồ Chí Minh - người thầy vĩ đại và tôn kính của mình. Ðồng chí là hình ảnh cao đẹp về một nhà lãnh đạo đã giành được chiến thắng trước những thử thách khốc liệt, đầy cám dỗ của kinh tế thị trường, để mãi mãi là một người cộng sản chân chính trong trái tim của Nhân dân.

\*\*\*

Đồng chí Võ Văn Kiệt với 86 tuổi đời, 69 tuổi Đảng, đã có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc. Cả cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Võ Văn Kiệt luôn tận trung với nước, tận hiếu với dân, sống giản dị, khiêm tốn, luôn đặt lợi ích của Đảng, của đất nước, của Nhân dân lên trên hết; là một tấm gương tiêu biểu, mẫu mực về đạo đức cách mạng: cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư; một người cộng sản chân chính với trái tim nhân hậu mãi mãi ở trong lòng Nhân dân ta và bạn bè quốc tế.

Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Võ Văn Kiệt đúng vào dịp toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đang ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các nghị quyết của Trung ương, đặc biệt là Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, nhằm tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đây là đợt sinh hoạt chính trị có ý nghĩa sâu sắc để tôn vinh và tri ân những cống hiến to lớn, quan trọng của đồng chí Võ Văn Kiệt đối với sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc; đồng thời, góp phần giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, lòng yêu nước, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, ý chí, khát vọng vươn lên, cống hiến cho các tầng lớp Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ Việt Nam.

Học tập tấm gương đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh chính trị, tư duy sáng tạo và gần dân của đồng chí Võ Văn Kiệt, chúng ta nguyện nêu cao ý chí cách mạng, đoàn kết nhất trí, chung sức, chung lòng ra sức phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người cộng sản, tích cực học tập, nâng cao trình độ mọi mặt, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp đã đề ra, đưa công cuộc đổi mới đất nước giành được những thành tựu mới to lớn hơn, toàn diện hơn, vững bước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

 Nguồn: <https://tuyengiao.vn/ban-can-biet/de-cuong-tuyen-truyen-ky-niem-100-nam-ngay-sinh-dong-chi-vo-van-kiet-139187>

**Mối quan hệ giữa phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” ở bên trong với đấu tranh chống “tác động chuyển hóa” từ bên ngoài**

**PGS, TS. NGUYỄN MINH TUẤN**

 **Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” bên trong góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Nỗ lực đó sẽ đem lại hiệu quả cao hơn và bền vững hơn nếu gắn kết chặt chẽ, thường xuyên với việc đấu tranh chống “tác động chuyển hóa” từ bên ngoài; qua đó, góp phần vào thành công của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.**

**1**- Liên tiếp 3 nhiệm kỳ đại hội vừa qua, Đảng ta đã kiên quyết, kiên trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, mà trong đó, phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ vẫn luôn là nhiệm vụ cấp bách nhất. Ngay từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25-10-2021, “Về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa””, thể hiện quyết tâm của Đảng trong thực hiện nhiệm vụ quan trọng liên quan tới sự tồn vong của chế độ, tới thành công của sự nghiệp cách mạng nước ta.

Tại Đại hội XIII của Đảng, bên cạnh việc ghi nhận, làm rõ những ưu điểm nổi bật về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đảng ta cũng chỉ rõ những hạn chế, khuyết điểm: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên bản lĩnh chính trị không vững vàng, suy thoái về tư tưởng chính trị, còn hoài nghi, mơ hồ về mục tiêu, lý tưởng của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; một số ít hoang mang, dao động, mất lòng tin; cá biệt còn phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng”(1); đặc biệt là “Việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên, một số suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; vẫn còn tình trạng nói không đi đôi với làm; không tuân thủ nguyên tắc của Đảng; quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cá nhân chủ nghĩa, cơ hội, thực dụng, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ; chưa nêu cao ý thức trách nhiệm trước tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương và nhân dân. Thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên chưa trở thành nền nếp, hiệu quả chưa cao. Một số cán bộ vi phạm đến mức phải kỷ luật, xử lý hình sự”(2).

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, khuyết điểm nói trên cũng được Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “1- Một số cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ, toàn diện, sâu sắc về tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới; việc quán triệt các nghị quyết của Đảng ở một số nơi chưa kịp thời, sâu sắc.

2- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa chủ động, sâu sát, thiếu quyết liệt; chưa coi trọng việc tự kiểm tra, xử lý vi phạm. Một số nơi, người đứng đầu chưa phát huy hết trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, chưa gương mẫu, còn thụ động, né tránh, trông chờ vào chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên.

3- Việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số nơi chưa nghiêm, thậm chí còn vi phạm, mất đoàn kết nội bộ, có nơi còn biểu hiện cục bộ, lợi ích nhóm. Kiểm soát quyền lực còn lúng túng, hiệu quả thấp”(3).

Như vậy, một trong bốn nguy cơ của Đảng cầm quyền được cảnh báo từ Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ Đại hội VII của Đảng đến nay vẫn hiện hữu và thậm chí còn gay gắt hơn, đó là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Vì vậy, cuộc đấu tranh chống lại tình trạng suy thoái này vẫn là nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn vong của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở nước ta. Điểm mới nổi bật trong quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIII của Đảng là gắn công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng với xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong điều kiện Đảng ta là đảng duy nhất cầm quyền.

Trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, cần phải kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa “xây” và “chống”; trong đó, “xây” là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài, “chống” là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, thường xuyên. Theo đó, yêu cầu xử lý mối quan hệ giữa phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” ở bên trong và đấu tranh chống “tác động chuyển hóa” từ bên ngoài là một nhiệm vụ cần được nhận thức đầy đủ và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

*Suy thoái về tư tưởng chính trị* là sự suy giảm đến mức báo động về niềm tin của một bộ phận cán bộ, đảng viên về mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chế độ chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, về vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội của Đảng.

*Sự suy thoái về đạo đức, lối sống*là sự suy giảm đến mức báo động về đạo đức, lối sống theo chiều hướng tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và ngày càng xa lạ với truyền thống đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

“Tự diễn biến” là khi mỗi đảng viên không nhận thức được trách nhiệm, bổn phận của mình, nhất là những người được giao trọng trách trong các cơ quan của hệ thống chính trị; thiếu hiểu biết hoặc cố tình làm sai những quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước vì động cơ vụ lợi.

“Tự chuyển hóa” là kết quả tất yếu, là hệ lụy của cả một quá trình “tự diễn biến”, là sự thay đổi về bản chất cách mạng của cán bộ, đảng viên do thiếu rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cách mạng; là quá trình tích tụ từ những khuyết điểm nhỏ thành khuyết điểm lớn hơn, thậm chí đến mức vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

*“Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” bên trong*là hậu quả của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, là quá trình tự biến đổi về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên theo chiều hướng tiêu cực, vi phạm các quy định của Đảng ở các mức độ khác nhau, thậm chí có hành vi chống lại Đảng, Nhà nước... và là thách thức đối với sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng nếu không được ngăn chặn, đẩy lùi triệt để.

*“Tác động chuyển hóa” từ bên ngoài* là hoạt động của các lực lượng ngoài Đảng (trong nước và nước ngoài) nhằm thúc đẩy nhanh hơn quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Tác động từ bên ngoài hướng tới mục tiêu là gieo rắc những luận điệu xuyên tạc sự thật với dụng ý xấu của những phần tử bất mãn với chế độ, của các thế lực thù địch và cơ hội chính trị, mưu toan phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng, bác bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, hòng xóa bỏ chế độ XHCN ở nước ta. Tác động chuyển hóa từ bên ngoài chủ yếu thông qua các phương tiện truyền thông, cả truyền thống và hiện đại, với những luận điệu xuyên tạc sự thật, bôi nhọ, hạ thấp uy tín của Đảng cả trong nước và trên trường quốc tế, nhằm kích động, cổ xúy, lôi kéo những cán bộ, đảng viên đang mơ hồ, dao động về lập trường tư tưởng, thiếu niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.Các thế lực thù địch thực hiện “diễn biến hòa bình” bằng cách thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng và nhân dân, với phương châm “không đánh mà thắng” nhằm lật đổ chế độ XHCN ở Việt Nam hiện nay.

*“Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” bên trong có mối quan hệ mật thiết với “tác động chuyển hóa” từ bên ngoài*

 Suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống có mối quan hệ chặt chẽ với“tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Đảng ta đã khẳng định: “sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc”(4). “Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ còn diễn ra nhanh hơn khi đời sống gặp nhiều khó khăn, phân cực giàu - nghèo quá lớn; tình trạng mất dân chủ, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tràn lan... dẫn đến nảy sinh những vấn đề và tâm lý bức xúc trong xã hội. Đối tượng bị rơi vào “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là cán bộ, đảng viên, bất kể ở cương vị nào. Chức vụ của người cán bộ, đảng viên càng cao thì hậu quả tiêu cực của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” do người đó gây ra càng lớn.

“Tự diễn biến” và “tự chuyển hóa” có quan hệ chặt chẽ với nhau: “Tự diễn biến” là quá trình thẩm thấu từng ngày, qua từng hoạt động, còn “tự chuyển hóa” là kết quả, là hậu quả và hệ lụy của “tự diễn biến” của mỗi cán bộ, đảng viên. “Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” bên trong còn là nguyên nhân của mất đoàn kết nội bộ, là cái cớ để các thế lực thù địch khoét sâu thêm những khuyết điểm, thúc đẩy và làm gia tăng thêm mâu thuẫn nội bộ; có thể dẫn tới sự tiếp tay hoặc cấu kết của một số cá nhân với các thế lực xấu, thù địch, dẫn tới sự phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Đó là hậu quả của quá trình suy thoái về tư tưởng chính trị từ bên trong đội ngũ đảng viên - lực lượng tiên phong của phong trào cách mạng. Do vậy, nếu quá trình này không được phát hiện và ngăn chặn kịp thời, thì có thể dẫn đến sự suy thoái của Đảng và kết thúc sinh mệnh chính trị của Đảng, sự tồn tại của chế độ XHCN ở Việt Nam hiện nay.

Hậu quả lớn nhất của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ thực chất là sự chuyển hóa chính trị. Chuyển hóa chính trị có thể xuất hiện từ hai hướng: 1- Từ hoạt động của các thế lực thù địch nhằm tác động dẫn tới chuyển hóa chính trị; 2- Sự “tự chuyển hóa” chính trị của nội bộ. Tuy nhiên, hai hướng này có quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau: Yếu tố bên ngoài thúc đẩy, tạo điều kiện cho yếu tố bên trong; yếu tố bên trong tạo sự chú ý và điều kiện thuận lợi cho yếu tố bên ngoài. Trong đó, “tự chuyển hóa” bên trong sẽ quyết định sự thay đổi về chính trị nên hết sức nguy hiểm. Do vậy, phương châm, nguyên tắc bảo đảm an ninh nội bộ, bảo vệ chính trị nội bộ và phòng, chống chuyển hóa chính trị là phải chủ động phòng ngừa các nguy cơ, giữ vững sự đoàn kết chính trị bên trong. Đây là yếu tố mang tính căn bản, quyết định. Tác động chuyển hóa từ bên ngoài của những phần tử cơ hội chính trị, bất mãn với chế độ và của những thế lực thù địch sẽ gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, nếu kết hợp với “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” bên trong; có thể làm sụp đổ chế độ chính trị nếu không có biện pháp hóa giải kịp thời, hiệu quả. Vì thế, việc phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống một cách có hiệu quả sẽ góp phần phòng ngừa, ngăn chặn và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của những tác động từ bên ngoài. Điều này đúng như V.I. Lê-nin đã cảnh báo: “Không ai có thể tiêu diệt được chúng ta, ngoài những sai lầm của bản thân chúng ta. Toàn bộ vấn đề là ở chữ “nếu” này. Nếu chúng ta do sai lầm mà gây ra sự chia rẽ thì tất cả sẽ sụp đổ”(5).

Như vậy, việc phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở bên trong là cách tốt nhất để hạn chế những tác động từ bên ngoài, và làm vô hiệu hóa “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Đồng thời, tăng cường đổi mới, xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh chính là cách tốt nhất, bền vững nhất để phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Những kết quả thiết thực về đổi mới, xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh trong những năm qua là minh chứng rõ nét, thể hiện quyết tâm củng cố, nâng cao niềm tin của đảng viên và nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, góp phần vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

**2**- “Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là một quá trình đi từ không đến có, từ ít đến nhiều, từ thấp đến cao, từ tiêu cực đến bất mãn, phản động, nên nỗ lực, quyết tâm của tổ chức đảng, của mỗi đảng viên để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ có vai trò quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái đó. Điều này thể hiện trước hết ở nhận thức, trách nhiệm và hành động cụ thể của mỗi cán bộ, đảng viên trong tự phê bình và phê bình. Muốn vậy, phải nâng cao chất lượng sinh hoạt của tổ chức đảng, nhất là nêu cao trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, đề cao và thực hiện nghiêm tự phê bình và phê bình từ Trung ương đến chi bộ, khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm, “dĩ hòa vi quý”. V.I. Lê-nin khẳng định: “Đối với đảng đang đấu tranh của giai cấp tiền phong thì phạm sai lầm là không đáng sợ. Điều đáng sợ là: cứ giữ mãi sai lầm, cứ xấu hổ hão không chịu nhận sai lầm và sửa chữa sai lầm”(6). Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”(7).

“Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có nguyên nhân từ thái độ và trách nhiệm chưa cao trong học tập lý luận của một bộ phận đảng viên; hiệu quả của công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục đạo đức có lúc, có nơi còn thấp, khiến cho kết quả nhiều khi không đạt yêu cầu đề ra. Vì thế, các cấp ủy, người đứng đầu phải thực sự chú trọng đến giáo dục nâng cao nhận thức chính trị cho đội ngũ đảng viên một cách thường xuyên, có hiệu quả, thực chất và thiết thực. Toàn Đảng phải quán triệt, thực hiện tốt quan điểm chỉ đạo trong quá trình đổi mới là: “Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng vận dụng và phát triển sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên định đường lối đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng”(8).

Để bảo đảm tính thuyết phục trong công tác tư tưởng, cần chú trọng hơn nữa đến công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; nghiên cứu học tập có chọn lọc những kinh nghiệm trên thế giới, vận dụng sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam; từ đó, tạo cơ sở khoa học vững chắc cho việc hoạch định và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bảo đảm tính khoa học, tính thuyết phục trong công tác tư tưởng sẽ tạo điều kiện vững chắc cho việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh có hiệu quả chống các quan điểm sai trái, thù địch. Đồng thời, phát huy mạnh mẽ vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng trong phản ánh dư luận xã hội, tâm trạng của các tầng lớp nhân dân, để các cơ quan, các cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh.

Chỉ khi cán bộ, đảng viên tự mình nhận thức đầy đủ, đúng đắn về tầm quan trọng của việc nghiên cứu, học tập lý luận chính trị, thì khi đó mới xác định được trách nhiệm thực hiện chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị, cũng như nâng cao tính tự giác, chủ động trong tự học, tự nghiên cứu của cá nhân. Cấp ủy các cấp cần tiếp tục chỉ đạo công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của mỗi cấp ủy, tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh phải bằng những hành động cụ thể, thiết thực, thông qua sự nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Tác động từ bên ngoài sẽ được kiểm soát khi mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp giữ vững niềm tin, luôn đề cao trách nhiệm nêu gương, ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng. Để “miễn dịch” được với những tác động xấu từ bên ngoài, mỗi cán bộ, đảng viên cần thực hiện nghiêm các quy định nêu gương của Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm. Cán bộ giữ cương vị càng cao thì càng phải tiên phong, gương mẫu. Nâng cao hiệu quả thực hiện những chuẩn mực đạo đức cách mạng của đảng viên, đạo đức công vụ, các chuẩn mực, giá trị đạo đức, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và những chuẩn mực đạo đức của con người trong thời đại mới. Mỗi đảng viên cần tự giác rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, có ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm của mình trước Đảng và nhân dân. Kiên quyết chống các biểu hiện bè phái, cục bộ địa phương, “lợi ích nhóm”.

Cấp ủy các cấp cần quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về vai trò của cán bộ và vị trí của công tác cán bộ: “Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững”(9). Theo đó, cần tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có khát vọng cống hiến, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng; thực sự mẫu mực, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; “thực sự tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có trách nhiệm với dân”, được nhân dân tín nhiệm. Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về công tác cán bộ, nhất là Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23-9-2019, của Bộ Chính trị, “Về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền” một cách thực chất và hiệu quả; không để lọt người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, những người có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống sẽ được ngăn chặn từ sớm nếu kịp thời phát hiện và kiên quyết đấu tranh. Có thể ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên nếu kết hợp một cách chặt chẽ giữa giáo dục với rèn luyện và giữa giáo dục, rèn luyện với xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên vi phạm. Việc giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên chỉ đạt hiệu quả cao khi kết hợp với việc giữ gìn kỷ luật của Đảng, xử lý kịp thời, nghiêm minh những vi phạm. Vì vậy, cần chú trọng công tác kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực, trong việc chấp hành các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; và xử lý nghiêm nếu có sai phạm, không có “vùng cấm”, không có “ngoại lệ”. Đồng thời, quan tâm giải quyết dứt điểm những vụ việc phức tạp, gây bức xúc kéo dài trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Phát huy vai trò giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân, kịp thời phát hiện từ nội bộ những vi phạm từ khi mới phát sinh để chấn chỉnh ngay; không để những khuyết điểm nhỏ tích tụ thành khuyết điểm lớn, đến mức phải thi hành kỷ luật đảng, thậm chí phải xử lý hình sự.

Đảng trong sạch, vững mạnh, luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, luôn nỗ lực vì lợi ích của nhân dân, của đất nước thì sẽ vượt qua mọi khó khăn, trở ngại. Muốn vậy, Đảng phải thực sự phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; thực sự dựa vào nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Đấu tranh có hiệu quả trong phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là sự gắn kết chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, giữa phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” bên trong và đấu tranh chống “tác động chuyển hóa” từ bên ngoài. Đây là quá trình được tiến hành đồng thời, hỗ trợ lẫn nhau theo phương châm “xây” là cơ bản, phải kiên trì; “chống” phải quyết liệt, hiệu quả. “Xây” tốt là nâng cao khả năng tự phòng, chống của cán bộ, đảng viên và nhân dân trước âm mưu, thủ đoạn và hoạt động của các thế lực thù địch, đối tượng phản động, cơ hội chính trị. “Chống” có hiệu quả là nâng cao khả năng ứng phó, ngăn chặn các thông tin sai trái, thù địch trên lĩnh vực tư tưởng; kịp thời định hướng dư luận, vô hiệu hóa hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc ngày càng tinh vi, nguy hiểm của các thế lực thù địch, phản động. Các cơ quan thông tin đại chúng phải kịp thời cung cấp những thông tin chính thống, có trách nhiệm, nhằm đi trước một bước trong định hướng dư luận xã hội, để giữ vững niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng và chế độ./.

-----------------------

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. II, tr. 168

(2), (3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* *Sđd*, t. II, tr 178 - 179, 224 – 225

(4) *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 23

(5) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t. 42, tr. 311

(6) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 34, tr. 349

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập,*Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 301

(8) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* *Sđd*, t. II,  tr. 231

(9) *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII,* Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2018, tr. 54